TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300/2024/QĐST-HNGĐ *Quận G, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 244/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982
- Ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Số A N, Tổ A, Khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số 11 đăng ký ngày 25/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, H). Vợ chồng sống hạnh phúc được 17 (Mười bảy) năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bà T và ông T1 cùng trình bày: là do cả hai bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung về mọi mặt trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cả hai đã ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, tuy vẫn sống chung nhà nhưng vợ

chồng sống ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Hiện cả hai đã không còn tình cảm với nhau nữa, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên ông T1, bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T có 02 (hai) con chung họ tên là: Nguyễn Khánh L (Giới tính: Nữ), sinh ngày 29/1/2006 và Nguyễn Bá Tuấn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/05/2008. Sau khi ly hôn ông T1 và bà T thỏa thuận: giao hai con chung là trẻ Nguyễn Khánh L và Nguyễn Bá T1 Khải cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà T không cấp dưỡng nuôi hai con chung, nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 11 đăng ký ngày 25/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, H).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T có 02 (Hai) con chung họ tên là: Nguyễn Khánh L (Giới tính: Nữ), sinh ngày 29/1/2006 và Nguyễn Bá Tuấn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/05/2008.

Sau khi ly hôn ông T1 và bà T thỏa thuận: giao hai con chung là trẻ Nguyễn Khánh L và Nguyễn Bá T1 Khải cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà T không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Bà Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Bá T1 và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019106 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001143734 ngày 22/4/2024, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại Kho bạc nhà nước Q, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo nộp tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự số 237/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2024, Mã thông báo: ICFH7ILURP. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Hà Thị L1